

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ PTM**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét*



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **H&B** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers.
Thành viên H&B Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp.



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-04
Báo cáo soát xét	05
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	06-21
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM mà tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2001, thay đổi lần 7 ngày 24 tháng 2 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con(loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng ,sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu mới nhôm, nhựa composit;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 19.023.000.000 VND (Mười chín tỷ không trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn). Tương đương 1.902,300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Quế	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phan Văn Đạo	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Bùi Toàn Thắng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Phạm Thị Chương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Ông Tạ Đình Lân	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Lê Thúy Hằng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Dũng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Sĩ Lâm	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2011)
Ông Vũ Quang Huy	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Bùi Toàn Thắng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)
Bà Trần Thị Bảo Hiền	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2011)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Đỗ Tiếp Dũng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011



Số: 1067 /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM được lập ngày 02 tháng 08 năm 2011, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ KTV số: D0063/KTV

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2011

Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0593/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.529.615.614	12.571.275.911
110	1 Tiền và các khoản tương đương tiền	3	144.248.859	1.840.240.480
111	1 Tiền		144.248.859	140.240.480
112	2 Các khoản tương đương tiền		-	1.700.000.000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		13.167.872.257	4.655.107.646
131	1 Phải thu của khách hàng		5.357.279.178	4.696.419.848
132	2 Trả trước cho người bán		8.024.063.400	49.300.000
135	5 Các khoản phải thu khác	4	10.167.446	40.736.385
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(223.637.767)	(131.348.587)
140	IV Hàng tồn kho		10.822.827.146	6.011.888.818
141	1 Hàng tồn kho	5	11.056.185.614	6.245.247.286
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(233.358.468)	(233.358.468)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		394.667.352	64.038.967
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		193.104.433	-
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		162.571.093	-
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	21.075.557	20.712.698
158	5 Tài sản ngắn hạn khác		17.916.269	43.326.269
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		7.676.740.577	7.434.474.401
220	II Tài sản cố định		2.394.577.866	6.618.821.177
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	1.758.214.230	6.618.821.177
222	- Nguyên giá		2.986.041.216	16.872.840.926
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.227.826.986)	(10.254.019.749)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	636.363.636	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	4.632.000.000	132.000.000
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.500.000.000	-
258	3 Đầu tư dài hạn khác		132.000.000	132.000.000
260	V Tài sản dài hạn khác		650.162.711	683.653.224
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	10	650.162.711	683.653.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		32.206.356.191	20.005.750.312

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		15.498.956.861	2.300.327.637
310	I Nợ ngắn hạn		15.363.748.990	2.165.119.766
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	11	51.000.000	196.500.000
312	2 Phải trả người bán		1.026.626.856	1.343.553.819
313	3 Người mua trả tiền trước		868.362.168	81.400.000
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	275.624.407
315	5 Phải trả người lao động		42.168.655	83.692.021
316	6 Chi phí phải trả		-	75.219.094
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	13.354.249.615	87.788.729
323	11 Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.341.696	21.341.696
330	II Nợ dài hạn		135.207.871	135.207.871
334	4 Vay và nợ dài hạn	13	101.500.000	101.500.000
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		33.707.871	33.707.871
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.707.399.330	17.705.422.675
410	I Vốn chủ sở hữu	14	16.707.399.330	17.705.422.675
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		19.023.000.000	19.023.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		91.265.975	91.265.975
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		31.656.505	31.656.505
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.458.523.150)	(1.460.499.805)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		32.206.356.191	20.005.750.312


Nguyễn Thị Thủy Hạnh
Kế toán trưởng



Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc

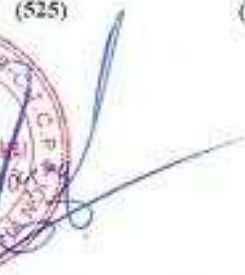
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.432.786.081	7.377.759.077
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.432.786.081	7.377.759.077
11	4 Giá vốn hàng bán	16	1.507.494.904	6.702.655.540
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(74.708.823)	675.103.537
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	17	9.342.346	17.464.029
22	7 Chi phí tài chính	18	17.661.353	399.547.523
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.661.353	338.705.327
24	8 Chi phí bán hàng		205.186.121	120.901.364
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		744.063.085	532.721.200
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.032.277.036)	(360.602.521)
31	11 Thu nhập khác		5.432.978.044	23.878.418
32	12 Chi phí khác		5.398.724.353	21.704.126
40	13 Lợi nhuận khác		34.253.691	2.174.292
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(998.023.345)	(358.428.229)
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(998.023.345)	(358.428.229)
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(525)	(275)


Nguyễn Thị Thủy Hạnh
Kế toán trưởng



Đỗ Tiểu Dũng
Giám đốc


Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.674.067.528	7.874.840.674
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(12.181.741.749)	(6.125.461.043)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(471.720.716)	(1.082.413.090)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(35.497.743)	(308.448.355)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(32.637.949)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.584.620.800	967.425.754
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.779.561.287)	(1.955.174.142)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		790.166.033	(661.868.151)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(850.000.000)	(41.800.000)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.000.000.000	1.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.500.000.000)	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	40.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.342.346	17.317.701
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.340.657.654)	16.517.701
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	8.108.406.504
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(145.500.000)	(7.649.086.784)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(145.500.000)	459.319.720
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.695.991.621)	(186.030.730)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.840.240.480	445.227.427
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	144.248.859	259.196.697


Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng


Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM mà tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2001, thay đổi lần 7 ngày 24 tháng 2 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con(loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu mới nhôm, nhựa composit;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất, kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa và gia công kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện

2.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Tiền thuê đất;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.11. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.12. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Lỗ lũy kế của Công ty là đến ngày 30/06/2011 là (2.458.523.150) đồng bao gồm cả khoản lỗ phát sinh trong năm tài chính 2009. Công ty đăng ký chuyển lỗ của năm 2009 bắt đầu từ năm 2010.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	14.392.981	44.175.203
Tiền gửi ngân hàng	129.855.878	96.065.277
Các khoản tương đương tiền	-	1.700.000.000
	144.248.859	1.840.240.480

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	28.225.500
Phải thu khác	10.167.446	12.510.885
	10.167.446	40.736.385

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.986.715.259	3.610.267.696
Công cụ, dụng cụ	96.053.221	136.484.620
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	268.779.289	298.156.319
Thành phẩm	1.999.675.384	2.065.858.584
Hàng hoá	5.704.962.461	134.480.067
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11.056.185.614	6.245.247.286

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.712.698	20.712.698
Thuế TNCN	362.859	-
	21.075.557	20.712.698

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cún, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.618.985.150	14.040.254.938	1.062.831.887	150.768.951	16.872.840.926
2. Số tăng trong kỳ	-	619.541.303	-	-	619.541.303
- Mua sắm mới	-	619.541.303	-	-	619.541.303
3. Số giảm trong kỳ	-	(14.011.171.048)	(475.731.030)	(19.438.935)	(14.506.341.013)
- Thanh lý nhượng bán	-	(14.011.171.048)	(475.731.030)	(19.438.935)	(14.506.341.013)
4. Số dư cuối kỳ	1.618.985.150	648.625.193	587.100.857	131.330.016	2.986.041.216
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	898.870.364	8.619.566.518	592.105.389	143.477.478	10.254.019.749
2. Số tăng trong kỳ	28.859.003	21.603.785	27.074.136	5.312.403	82.849.327
- Trích khấu hao	28.859.003	21.603.785	27.074.136	5.312.403	82.849.327
3. Số giảm trong kỳ	-	(8.617.364.191)	(472.238.964)	(19.438.935)	(9.109.042.090)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8.617.364.191)	(472.238.964)	(19.438.935)	(9.109.042.090)
4. Số dư cuối kỳ	927.729.367	23.806.112	146.940.561	129.350.946	1.227.826.986
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	720.114.786	5.420.688.420	470.726.498	7.291.473	6.618.821.177
2. Tại ngày cuối kỳ	691.255.783	624.819.081	440.160.296	1.979.070	1.758.214.230

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2011 của tài sản cố định đưa đi thế chấp các khoản vay là 430.540.628 đồng.
Nguyên giá tài sản cố định bất khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 110.349.541 đồng.

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	636.363.636	-
<i>- Dự án Nâng cấp, cải tạo và xây mới Gara ô tô</i>	<i>636.363.636</i>	<i>-</i>
	636.363.636	-

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.500.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào Cty CP Thiết bị lạnh KTS</i>	<i>4.500.000.000</i>	<i>-</i>
Đầu tư dài hạn khác	132.000.000	132.000.000
<i>Đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Thương mại Kim Hoà</i>	<i>132.000.000</i>	<i>132.000.000</i>
	4.632.000.000	132.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ		Hoạt động kinh doanh chính
		Tỷ lệ lợi ích	quyền biểu quyết	
Công ty CP Thiết bị lạnh Kỹ thuật số	Hà Nội	30%	30%	Cơ khí

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền thuê đất phân bổ dần (*)	596.607.634	665.446.977
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	16.666.368	11.353.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.888.709	6.853.080
	650.162.711	683.653.224

(*): Tiền thuê đất truy thu từ năm 2001 đến 2009 do sự thay đổi trong đơn giá tính tiền thuê đất của UBND Thành phố Hà Nội theo thông báo nộp tiền thuê đất ngày 10/09/2010 của Chi cục Thuế Quận Hoàng Mai. Khoản chi phí này Công ty dự kiến phân bổ trong thời gian 5 năm. Số đã phân bổ trong kỳ là 68.839.343 đồng.

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	94.500.000
<i>- Vay đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>94.500.000</i>
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả (*)	51.000.000	102.000.000
	51.000.000	196.500.000

(*): Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ dài hạn đến hạn trả xem thuyết minh 13 - Vay dài hạn

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	11.404.587	25.435.587
Bảo hiểm xã hội	5.703.848	-
Bảo hiểm thất nghiệp	641.482	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.336.499.698	62.353.142
- <i>Vay ngắn hạn không tính lãi (*)</i>	13.284.620.000	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	51.879.698	62.353.142
	<u>13.354.249.615</u>	<u>87.788.729</u>

(*): Các khoản vay không tính lãi bao gồm:

- Vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Việt Nam với tổng số tiền vay của các hợp đồng là 9.962.620.000 đồng. Thời hạn vay là 2 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

- Vay cá nhân Vũ Quang Huy với tổng số tiền là 3.322.000.000 đồng. Thời hạn vay là 1 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

13 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	101.500.000	101.500.000
- <i>Vay ngân hàng</i>	101.500.000	101.500.000
	<u>101.500.000</u>	<u>101.500.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Số dư vay dài hạn tại ngày 30/06/2011 là của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTD. Bên cho vay là Ngân hàng Công Thương chi nhánh Đống Đa với lãi suất là 10,5%/năm, thời hạn vay là 48 tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng số tiền vay là 405.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2011 là 152.500.000 đồng, trong đó số nợ gốc còn phải trả cho 6 tháng cuối năm 2011 là 51.000.000 đồng.

14 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận chưa	Cộng
	CSH	cổ phần	triển	chính	phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	19.023.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(1.460.499.805)	17.705.422.675
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(998.023.345)	(998.023.345)
Số dư cuối kỳ này	19.023.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(2.458.523.150)	16.707.399.330

	Cuối kỳ	Ty lệ	Đầu năm
	VND	%	
Vốn góp của Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	6.642.000.000	34,92%	6.642.000.000
Vốn góp của Công ty CP ĐT và DV Ô tô VN	6.000.000.000	31,54%	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	6.381.000.000	33,54%	6.381.000.000
	19.023.000.000	100%	19.023.000.000



b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.023.000.000	19.023.000.000
- Vốn góp đầu năm	19.023.000.000	19.023.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	19.023.000.000	19.023.000.000

c) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.902.300	1.902.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.902.300	1.902.300
- Cổ phiếu phổ thông	1.902.300	1.902.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.902.300	1.902.300
- Cổ phiếu phổ thông	1.902.300	1.902.300
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.265.975	91.265.975
Quỹ dự phòng tài chính	31.656.505	31.656.505
	122.922.480	122.922.480

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.432.786.081	7.377.759.077
	1.432.786.081	7.377.759.077

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.507.494.904	6.702.655.540
	1.507.494.904	6.702.655.540

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.342.346	17.464.029
	9.342.346	17.464.029

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.661.353	338.705.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	60.842.202
	17.661.353	399.547.523

19 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định (*)	5.429.000.000	-
Thu nhập khác	3.978.044	23.878.418
	5.432.978.044	23.878.418

20 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (*)	5.397.298.923	-
Chi phí khác	1.425.430	21.704.126
	5.398.724.353	21.704.126

(*): Thực hiện chủ trương của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 8 tháng 1 năm 2011 về việc chuyển đổi chiến lược kinh doanh, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị sản xuất cơ khí, dây chuyền nhôm và ô tô tải cho Công ty Cổ phần Thiết bị lạnh Kỹ thuật số.

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(998.023.345)	(358.428.229)
Chuyển lỗ của năm 2009 (*)	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	-	-

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(998.023.345)	(358.428.229)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(998.023.345)	(358.428.229)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.902.300	1.302.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(525)	(275)

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 05 tháng 05 năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 19,023 tỷ đồng lên 42 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo các quy định hiện hành. Đến ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng số cổ phiếu bán ra là 2.297.700 cổ phiếu, giá bán 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp Công ty tiến hành tổ chức hoạt động và báo cáo bộ phận theo mặt hàng kinh doanh. Cụ thể được trình bày như dưới đây:

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo mặt hàng kinh doanh


	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Hoạt động</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>cơ khí</u>	<u>VND</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng	512.160.990	920.625.091	1.432.786.081
Giá vốn hàng bán	424.539.997	1.082.954.907	1.507.494.904
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	87.620.993	(162.329.816)	(74.708.823)


Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường Miền Bắc

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.


Nguyễn Thị Thủy Hạnh
Kế toán trưởng


Đỗ Tiến Dũng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011